**I/. Nghị quyết số 11/2020/NQ-HDNĐ ngày 9/11/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh về chính sách** **hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 -2025.**

**1/. Đối tượng áp dụng**

a) Người lao động có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có nhu cầu, đăng ký tham gia các chương trình đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng trong và ngoài tỉnh có tham gia các chương trình đào tạo theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với nước tiếp nhận hoặc theo các chương trình vừa học, vừa làm trình độ Đại học, Cao đẳng tại các Trường Đại học, Cao đẳng ở nước ngoài có ký kết hợp tác giữa 02 bên đào tạo.

**2/. Chính sách hỗ trợ**

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động, học sinh, sinh viên trước khi xuất cảnh.

Gồm các khoản chi hỗ trợ như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá tối đa** (đồng) | **Tổng cộng** (đồng) |
| 1 | Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề. | Khóa | 1 | 4.000.000 | 4.000.000 |
| 2 | Hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ. | Khóa | 1 | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 3 | Hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức cần thiết (giáo dục định hướng). | Khóa | 1 | 530.000 | 530.000 |
| 4 | Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức tổng cộng 6 tháng (26 ngày/tháng x 6 tháng = 156 ngày). | Ngày | 156 | 40.000 | 6.240.000 |
| 5 | Hỗ trợ tiền ở 200.000 đồng/tháng. | Tháng | 6 | 200.000 | 1.200.000 |
| 6 | Hỗ trợ chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho cả khóa. | Khóa | 1 | 300.000 | 300.000 |
| 7 | Hỗ trợ chi phí làm thủ tục xuất cảnh. |  |  |  |  |
| - | *Lệ phí cấp hộ chiếu.* | Người | 1 | 200.000 | 200.000 |
| - | *Phí cung cấp lý lịch tư pháp.* | Người | 1 | 200.000 | 200.000 |
| - | *Lệ phí làm thị thực (visa).* | Người | 1 | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - | *Chi phí khám sức khỏe.* | Người | 1 | 750.000 | 750.000 |
| **Cộng** | |  |  |  | **17.420.000** |

- Hỗ trợ đối với các đối tượng là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; thân nhân của người có công với cách mạng; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá **17.420.000 đồng/người.**

- Hỗ trợ đối với các đối tượng khác được hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ nêu trên, tối đa không quá **12.194.000 đồng/người.**

**Số lần được hỗ trợ:** Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần các khoản chi phí nêu trên.

b) Cho vay tín chấp

- Điều kiện vay vốn: Người lao động, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận; không có tiền án, tiền sự, không thuộc diện cấm xuất cảnh tại Việt Nam và cấm nhập cảnh nơi đến làm việc; có hợp đồng ký giữa người lao động, học sinh, sinh viên với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Mức vay: Tối đa không vượt quá 150 triệu đồng/người (áp dụng cho tất cả các đối tượng). Chia làm 02 giai đoạn cho vay, cụ thể:

+ Giai đoạn 1: Giải ngân tối đa 40 triệu đồng/người sau khi người lao động, học sinh, sinh viên trúng tuyển đơn hàng và được doanh nghiệp hay tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc, học tập ở nước ngoài thông báo chính thức bằng văn bản.

+ Giai đoạn 2: Giải ngân phần chi phí còn lại (sau khi người lao động, học sinh, sinh viên có tư cách lưu trú, visa ở nước ngoài và được doanh nghiệp thông báo thời gian xuất cảnh) trong hợp đồng ký kết giữa người lao động, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp hay tổ chức sự nghiệp đưa người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài.

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay được căn cứ vào thời hạn hợp đồng được ký giữa người lao động, học sinh, sinh viên với doanh nghiệp (công ty phái cử), tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc, học tập ở nước ngoài và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất vay vốn ưu đãi đối với người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn theo quy định*. (lãi suất hộ nghèo vay 6,6%/năm tức 0,55%/tháng)./.*

*Hết*

**II/.Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/03/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh về chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025.**

**1/. Đối tượng:**

Hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Trà Vinh được công nhận là hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia quy định ở từng thời kỳ, có trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã quản lý tại thời điểm được hỗ trợ, có khó khăn về nhà ở.

**2/. Điều kiện hỗ trợ**

Hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định là đối tượng được hỗ trợ tại Nghị quyết này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Ngoài diện chính sách hỗ trợ của Trung ương.

b) Chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở chưa đạt chất lượng theo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở. Đối với hộ chưa có nhà ở thì phải có đất ở từ 50m2 trở lên (đối với hộ ở khu vực nông thôn) và tối thiểu từ 36m2 (đối với hộ ở khu vực đô thị (phường, thị trấn)).

c) Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác. Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau:

- Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: bão, lũ, động đất, sạt lở đất,... hoặc hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại.

- Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời hạn từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

**3/. Hình thức hỗ trợ: cho vay.**

a) Mức cho vay tối đa: 50 triệu đồng/hộ. Ngoài mức vay, hộ gia đình tham gia đóng góp và huy động các nguồn vốn khác từ cộng đồng để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo quy mô và chất lượng theo quy định.

b) Lãi suất cho vay: thực hiện theo quy định; trong đó: hộ vay trả lãi 3%/năm (0,25%/tháng), phần chênh lệch lãi suất còn lại do ngân sách tỉnh cấp bù cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

c) Thời hạn vay: 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm, bắt đầu từ năm thứ 6 mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay.

d) Phương thức cho vay: ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Trà Vinh thực hiện cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam./.

Hết